TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** Số: **74**/2023/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2023/TLST- Việc HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* của:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Bùi V L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị **Lê N T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/01/2023, Tòa án xác định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi V L và chị Lê N T tự tìm hiểu, quen biết rồi đi đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 23 tháng 12 năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 103. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung anh L và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm, lối sống dẫn đến đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân, chị T đưa cháu Bùi

T P về quê ở Bến Tre sinh sống. Trong thời gian ly thân, anh chị và gia đình hai bên đã tìm cách hàn gắn, đoàn tụ nhưng không được.

Tại đơn yêu cầu ngày 15 tháng 5 năm 2023, anh L và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận cho anh, chị. Sau khi Tòa án thụ lý việc hôn nhân và gia đình vào ngày 12/6/2023, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ cho anh, chị nhưng kết quả đoàn tụ không thành vào ngày 19/6/2023. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, anh L, chị T cũng không có thay đổi ý kiến gì khác. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2].*Về con chung:* Quá trình sống chung, anh Bùi V L và chị Lê N T có 01 con chung là cháu Bùi T P, sinh ngày 28/11/2019 (hiện đang sống cùng chị T). Khi ly hôn, anh L và chị T thống nhất giao cháu Bùi T P, sinh ngày 28/11/2019 cho chị Lê N T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Bùi V L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Bùi T P. Anh Bùi V L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các bên nên được ghi nhận.

[3]. *Về tài sản chung:* Anh Bùi V L và chị Lê N T trình bày không có tài sản chung.

[4]. Về nợ chung: Anh Bùi V L và chị Lê N T khẳng định không có nợ chung.

[5]. Sau khi nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh L và chị T, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý việc hôn nhân và gia đình và đã tiến hành hòa giải để anh, chị hằn gắn, đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 19 tháng 6 năm 2023 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn diện vụ, việc.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[7]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi V L và chị Lê N T.

- Về con chung: Giao 01 con chung giữa anh Bùi V L và chị Lê N T là cháu Bùi T P, sinh ngày 28/11/2019 cho chị Lê N T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Bùi V L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi V L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê N T chưa có yêu cầu

- Về tài sản chung: Anh Bùi V L và chị Lê N T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh Bùi V L và chị Lê N T thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Bùi V L tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị Lê N T tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh L, chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020103 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xem như anh L và chị T đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
+ Anh Bùi V L;
+ Chị Lê N T.
- TAND T. Tiền Giang;
- VKSND. H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Thạch Hải Âu